

Số: 05/TC-STP

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 11 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
Tuyên Quang ban hành trong tháng 10 năm 2025**

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 10 năm 2025, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 10 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành **19** văn bản quy phạm pháp luật (gồm: 07 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 09 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 03 Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), cụ thể:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; định mức, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định mức trợ cấp một lần đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(4) Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(5) Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

(6) Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030.

(7) Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(4) Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 Quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(5) Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 Quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(6) Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(7) Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

(8) Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(9) Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 Quy định mức nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

(1) Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 03/10/2025 Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

(2) Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/10/2025 Phân cấp thẩm quyền thực hiện việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND ngày 24/10/2025 Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung; đơn vị mua sắm tập trung; thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/10/2025.

- Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

+ Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

+ Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Bãi bỏ số thứ tự 17, 23 Phụ lục III; số thứ tự 19, 25 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của HĐND tỉnh về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC và khoản 2 Điều 31, khoản 1, 2 Điều 33 Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC; tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước, thực hiện thanh toán các chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND gồm 03 Chương, 16 Điều, cụ thể như sau:

(1) Chương I – Quy định chung, gồm 03 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc áp dụng.

(2) Chương II – Những quy định cụ thể, gồm 03 Mục, 11 Điều, quy định về mức chi công tác phí, chi hội nghị; mức chi tiếp khách nước ngoài, hội nghị quốc tế; mức chi tiếp khách trong nước.

(3) Chương III- Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; định mức, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND)

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/10/2025 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Nghị quyết sau:

- Bãi bỏ toàn bộ 06 Nghị quyết, gồm:

+ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

+ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.

+ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 12/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ số thứ tự số 1, 9, 10 Mục I Phụ lục III; số thứ tự số 2, 8, 9 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội

đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và điểm a khoản 5 Điều 21, điểm a khoản 5 Điều 22, điểm d khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*); kịp thời triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp.

2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND gồm 04 Chương, 10 Điều, cụ thể như sau:

(1) Chương I – Quy định chung, gồm 02 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Chương II – Hỗ trợ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gồm 04 Điều, quy định về:

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Định mức hỗ trợ chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Tiêu chí lựa chọn; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia

(3) Chương III- Hỗ trợ thực hiện phát triển sản xuất cộng đồng, gồm 02 Điều quy định về:

- Nội dung và mức hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất, dịch vụ cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Tiêu chí lựa chọn; trình tự thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(4) Chương IV – Tổ chức thực hiện, gồm 02 Điều quy định về tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành.

3. Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức trợ cấp một lần đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND*).

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/10/2025.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND đề quy định chi tiết nội dung được giao tại Điều 4 và khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện các chính sách cho người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND gồm 03 Điều, cụ thể:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Mức trợ cấp một lần đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện (trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hà Giang trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025) nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

(3) Điều 3: Tổ chức thực hiện.

4. Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND).

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

- Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang (trước sắp xếp) và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (trước sắp xếp) hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành.

- Bãi bỏ số thứ tự 24 Mục II Phụ lục III, số thứ tự 21 Mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND đề quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; làm căn cứ để thực hiện lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Mức kinh phí hỗ trợ hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân cấp xã.

(3) Điều 3: Tổ chức thực hiện.

5. Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND).

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 04/11/2025 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Nghị quyết sau:

- Bãi bỏ toàn bộ 04 Nghị quyết:

+ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025.

+ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025.

+ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022.

+ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022.

- Bãi bỏ một phần 01 Nghị quyết: Bãi bỏ số thứ tự 55, 56 Phụ lục III; số thứ tự 53, 54 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg và Quyết định số 35/2025/QĐ-TTg và khoản 1, 2 Điều 4 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp.

5.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND gồm 06 Điều và 10 Phụ lục kèm theo, cụ thể như sau:

- (1) Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.
- (2) Điều 2:** Đối tượng áp dụng.
- (3) Điều 3:** Nguyên tắc phân bổ.
- (4) Điều 4:** Nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách.
- (5) Điều 5:** Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương.
- (6) Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

6. Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030 (viết tắt là Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND).

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 04/11/2025 và bãi bỏ Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023-2030; bãi bỏ khoản 11, Mục I, Phụ lục III Danh mục Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang trước sắp xếp tiếp tục áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trước sắp xếp đến khi ban hành văn bản mới ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp, kịp thời hỗ trợ

người dân đang sinh sống tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, khu rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

6.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

- (1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- (2) **Điều 2:** Nguyên tắc thực hiện.
- (3) **Điều 3:** Chính sách hỗ trợ theo hình thức xen ghép.
- (4) **Điều 4:** Chính sách hỗ trợ theo hình thức ổn định tại chỗ.
- (5) **Điều 5:** Nguồn kinh phí thực hiện.
- (6) **Điều 6:** Tổ chức thực hiện.

7. Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND)

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 24/10/2025 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các nghị quyết, cụ thể như sau:

- Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết sau:

+ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bãi bỏ một phần nghị quyết sau: Bãi bỏ số thứ tự 7 Phụ lục III; số thứ tự 5, 6 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 1 Điều 19 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sau sắp xếp.

7.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

- (1) Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.
- (2) Điều 2:** Đối tượng áp dụng.
- (3) Điều 3:** Nguyên tắc phân bổ vốn.
- (4) Điều 4:** Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn.
- (5) Điều 5:** Tiêu chí, hệ số và định mức phân bổ.
- (6) Điều 6:** Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương.
- (7) Điều 7:** Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện.

8. Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND).

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 08/10/2025.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND để triển khai thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 4 Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và điểm c khoản 1 Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; tạo cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng.

8.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND, gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

- (1) Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- (2) Điều 2:** Nội dung phân cấp: Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho đối tượng là người có công với cách mạng trên địa bàn quản lý theo đúng quy định của pháp luật.
- (3) Điều 3:** Điều khoản thi hành.

9. Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND)

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2025. Bãi bỏ toàn bộ và bãi bỏ một phần các Quyết định sau:

+ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phân cấp kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

+ Số thứ tự 56, 59, 63, 75, 76, 77 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm b khoản 1 Điều 94 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 45/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15*); Điều 24, khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 35/2023/NĐ-CP và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP*); khoản 1 Điều 61, khoản 5, 7, 8 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; khoản 3 Điều 4, Điều 7, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

9.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ban hành kèm theo Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND gồm 03 Chương, 11 Điều, cụ thể như sau:

(1) Chương I – Quy định chung, gồm 02 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Chương II – Quy định cụ thể, gồm 07 Điều, quy định về:

- Phân cấp chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác làm căn cứ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

- Phân cấp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng.

- Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

- Quy định quy mô, thời hạn của công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn; quy định về trình tự chấp thuận về địa điểm, quy mô xây dựng công trình và thời gian tồn tại của công trình tạm.

- Quy định về quản lý trật tự xây dựng; phân cấp quản lý trật tự xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình.

- Phân cấp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

- Phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

(3) Chương III- Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều quy định về xử lý chuyên tiếp và tổ chức thực hiện.

10. Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND)

10.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2025.

Bãi bỏ Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 17/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang, Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4; khoản 3 Điều 5; điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; tạo cơ sở pháp lý xác định thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

10.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Phân cấp thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng, điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

11. Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND)

11.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 26/10/2025.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại Khoản 5 Điều 182 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15) và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

11.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 92/2025/QĐ-UBND gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa.

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

12. Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND)

12.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 26/11/2025; bãi bỏ Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 57, khoản 4, 5 Điều 59 và c khoản 2 mục III Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP*); tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

12.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

13. Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND)

13.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP, Nghị định số 143/2025/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP*) và Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

bền vững giai đoạn 2021 – 2025; làm căn cứ triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

13.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 94/2025/QĐ-UBND gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

14. Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND)

14.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 21/10/2025.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; tạo cơ sở pháp lý để thực hiện hoạt động thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

14.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 95/2025/QĐ-UBND gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh.

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định và công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh).

(4) Điều 4: Điều khoản thi hành.

15. Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND)

15.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 22/10/2025.

15.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND để kịp thời triển khai thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy tại khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 43, khoản 4 Điều 47, khoản 4, 5 Điều 105 Nghị định

số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

15.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 96/2025/QĐ-UBND gồm 06 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu.

(3) Điều 3: Phân cấp quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền.

(4) Điều 4: Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương.

(5) Điều 5: Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương.

(6) Điều 6: Điều khoản thi hành.

16. Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND).

16.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2025 và bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

- Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định chi tiết Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Số thứ tự 27 Phụ lục III và số thứ tự 20 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

16.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 6 Mục I phần III Phụ lục I Kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương

02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; làm cơ sở thực hiện việc nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

16.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND

Quyết định số 97/2025/QĐ-UBND gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Điều 3:** Mức nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa.

(4) **Điều 4:** Điều khoản thi hành.

17. Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND ngày 03/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND).

17.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2025.

17.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND để kịp thời phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và điểm b khoản 4 Điều 6; khoản 3 Điều 10; Điều 11; khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14; khoản 3 Điều 17; điểm d khoản 1 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 22; khoản 2 Điều 28; khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 34; khoản 2 Điều 46; điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 57; khoản 2 Điều 58; khoản 2 Điều 59; khoản 1 Điều 60; khoản 2 Điều 61; khoản 2 Điều 72; khoản 2 Điều 91 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

17.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND

Quyết định số 88/2025/QĐ-CTUBND gồm 16 Điều, cụ thể như sau:

(1) **Điều 1:** Phạm vi điều chỉnh.

(2) **Điều 2:** Đối tượng áp dụng.

(3) **Từ Điều 3 đến Điều 15:** Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

(4) **Điều 16:** Điều khoản thi hành.

18. Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phân cấp thẩm quyền thực hiện việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND).

18.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2025.

18.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác hộ tịch theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

18.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND

Quyết định số 01/2025/QĐ-CTUBND gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phân cấp cho Sở Tư pháp thẩm quyền thực hiện việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 69, điểm h khoản 1 Điều 70 của Luật Hộ tịch và giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do Sở Tư pháp cấp, đăng ký trước đây trái quy định pháp luật, trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(2) Điều 2: Trách nhiệm của Sở Tư pháp.

(3) Điều 3: Điều khoản thi hành.

19. Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung; đơn vị mua sắm tập trung; thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND).

19.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

19.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND để quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm c khoản 2 Điều 53 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) và khoản 1 Điều 76, khoản 3 Điều 77, khoản 1 Điều 78 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; kịp thời triển khai thực hiện đúng quy định về danh mục tài sản mua sắm tập trung, đơn vị thực hiện mua sắm tập trung và thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung.

19.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND

Quyết định số 02/2025/QĐ-CTUBND gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

(2) Điều 2: Danh mục tài sản mua sắm tập trung.

(3) Điều 3: Đơn vị mua sắm tập trung.

(4) Điều 4: Thời hạn gửi văn bản đăng ký mua sắm tập trung (trừ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế).

(5) Điều 5: Điều khoản thi hành.

(Nội dung chi tiết của văn bản được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật, địa chỉ: <https://vbpl.vn/tuyenquang/Pages/home.aspx>).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 10 năm 2025, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTVB&THPL.(TTLan).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Lâm